TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10.01.2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thu Hà;

Ông Phạm Văn Ninh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh T* tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/12/2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị H; Sinh năm: 1986

Địa chỉ : Thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh T. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh Đặng Văn Q; Sinh năm: 1980

Địa chỉ : Thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Đặng Văn Q sau một thời gian quen biết tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh T, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống. Chị và anh Đặng Văn Q chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không ai quan tâm đến ai. Từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa. Toà án đã hoà giải nhưng chị không đồng ý về đoàn tụ chung sống cùng anh Q, chị xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị với anh Đặng Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Đặng Văn Q có 02 con chung là Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018, sau khi ly hôn vợ chồng tự thoả thuận việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Đặng Văn Q có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018, anh Đặng Văn Q không yêu cầu chị Trần Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q chị nhất trí.

Về tài sản chung: Chị và anh Đặng Văn Q tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vay nợ chung: Chị và anh Đặng Văn Q không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Qúa trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà anh Đặng Văn Q trình bày về quen biết và tìm hiểu, đăng ký kết hôn như chị Trần Thị H trình bày là đúng. Anh chị kết hôn xong vợ chồng chung sống với nhau ở Thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh T. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chị H có xích mích với gia đình, bố mẹ anh, chị H đã tự đi thuê nhà ở riêng không còn chung sống cùng bố con anh nữa. Anh Q và chị Trần Thị H đã sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh Q không đồng ý ly hôn anh Q mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh Q không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Phạm Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Vay nợ chung: Vợ chồng anh Không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh: Chị Trần Thị H và anh Đặng Văn Q có đăng ký thường trú tại thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh T. Chị Trần Thị H và anh Đặng Văn Q có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc mâu thuẫn giữa chị H, anh Q thôn không biết vì không hoà giải qua thôn. Nay chị H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn, Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị H, anh Q có 02 con chung, hiện 02 cháu đang ở cùng anh Q, vì chị H đã tự đi thuê nhà để ở riêng vợ chồng sống ly thân nhau, hai con chung hiện đang ở với anh Q, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về Tài sản: Anh chị tự thoả thuận không đề nghị Toà án giải quyết.

Vay nợ chung: Anh chị không vay nợ của ai. Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Đặng Văn Q; Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị H và anh Q, giao cháu Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018 cho anh Đặng Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1]. Chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q cùng cư trú tại 5, xã T, huyện Y, tỉnh T. Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh T theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Vụ án tiến hành kiểm tra chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn anh Đặng Văn Q không nhất trí đơn xin ly hôn của chị H, anh vẫn còn tình cảm với chị H. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con. Nhưng chị H cho rằng tình cảm vợ chồng anh chị không còn, mâu thuẫn với gia đình anh Q rất trầm trọng không thể hàn gắn được nữa chị H cương quyết xin ly hôn. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2009 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh T. Sau khi đăng ký kết hôn chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q cùng về chung sống tại thôn 5, xã T, huyện Y, tỉnh T nhưng trong cuộc sống anh chị không hạnh phúc, không tìm thấy tiếng nói chung. Chị Trần Thị H xin ly hôn anh Đặng Văn Q. Cuộc sống chung giữa chị Trần Thị H và anh Đặng Văn Q phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân, chị Trần Thị H không quan tâm đến anh Đặng Văn Q, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đặng Văn Q là phù hợp.

[4]. Con chung: Chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q có 02 con chung là cháu Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018. Chị H và anh Q tự thoả thuận, sau khi ly hôn anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Trần Trà M và Đặng Trần Anh Q. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Tài sản chung, vay nợ chung các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Chị Trần Thị H đã nộp theo biên lai số 0004324 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T.

[7]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H xin ly hôn anh Đặng Văn Q.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đặng Văn Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của hai bên về con chung. Giao cho anh Đặng Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Trần Trà M, sinh ngày 06/12/2010 và Đặng Trần Anh Q, sinh ngày 19/10/2018. Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị H đã nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004324 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh T, chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Chị Trần Thị H, anh Đặng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- Viện KSND huyện Y;
- Viện KSND tỉnh T;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Y;
- UBND xã N, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc An